

Bản án số: 266/2024/DS-ST
Ngày: 24-5-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Khanh

Bà Bùi Diệu Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 611/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2024/QĐST-DS ngày 26/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: lầu H, 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Thành N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền ngày 26/4/2024)

Bị đơn: ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1990; Địa chỉ: số D Đ, khu phố F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, bản tự khai, biên bản làm việc, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cùng trình bày: Vào ngày 26 tháng 6 năm 2015 phía Ngân hàng TMCP S “ngân hàng” và ông Nguyễn Thành K có ký với nhau Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông K, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 125.053.575 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông **K** vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông **K** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/02/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 24/5/2024, ông **K** còn nợ các khoản sau: nợ gốc là 28.390.895 đồng, lãi quá hạn 69.098.035 đồng. Tổng cộng là 97.488.930 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu cá nhân ông **K** có nhiệm vụ trả thanh toán số tiền trên cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Về phía bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: **Ngân hàng TMCP S** có đơn khởi kiện ông **Nguyễn Thành K** về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân **quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, ông **Nguyễn Thành K** vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông **K** theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Ông **Nguyễn Thành N** đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại các phiên tòa do bận công tác nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **N**.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc: 28.390.895 đồng; lãi quá hạn: 69.098.035 đồng căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, về số tiền gốc như sau: Vào ngày 26/6/2015, ông **K** ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng và được cấp hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất 2.15%/tháng không bao gồm các loại phí, ngày chốt giao dịch là ngày 22 hàng tháng. Đến ngày 31/8/2016, ông **K** bắt đầu sử dụng thẻ cho đến ngày 31/7/2023 thì ngừng không thanh toán tiền. Căn cứ vào bảng kê giao dịch do phía ngân hàng cung cấp thì sau khi được cấp thẻ tín dụng có hạn mức 30.000.000 đồng, ông **K** đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 127.390.895 đồng, hiện còn chưa thanh toán số tiền gốc là 28.390.895 đồng. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết nhưng phía ông **K** không đến Tòa để cung cấp các tài liệu chứng minh để bảo vệ quyền lợi cho ông **K** nên Tòa án căn cứ vào tài liệu do phía Ngân hàng cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án. Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn, nhận thấy tại Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/6/2015, phía ông **K** và Ngân hàng cùng thỏa thuận về lãi quá hạn. Do phía ông **K** vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc từ ngày 31/7/2023 cho đến nay nên số lãi quá hạn là 69.098.035 đồng điều này phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng của **Ngân hàng N1** về việc cho vay tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, nên có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[3.2] Về thời hạn thanh toán: Do ông **K** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông **K** phải trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở theo quy định.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông **K** phải trả tiền cho Ngân hàng nên phải nộp tiền án phí theo quy định: $97.488.930 \text{ đồng} \times 5\% = 4.874.447 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Thành K phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 24/5/2024 tổng cộng là 97.488.930 (chín mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn chín trăm ba mươi) đồng; trong đó: nợ gốc là 28.390.895 đồng, lãi quá hạn 69.098.035 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 25/5/2024, ông K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông K phải nộp số tiền 4.874.447 (bốn triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng.

Hoàn trả số tiền 2.172.830 đồng (hai triệu một trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm ba mươi) đồng cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026855 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**THÀNH HỘI NÔNG DỒNG SỞ THẨM
THẨM PHÁN, CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Ký tên, ghi rõ họ tên*)

THẢ

Nguyễn Thị Thanh Huyền